

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 836/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05/7/2023

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

- Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 124/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc: “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 252/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị Thanh L**, sinh năm 1985(có mặt).

Địa chỉ thường trú: **Thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.**

Địa chỉ tạm trú: **Số A đường số D, Tổ E, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- *Bị đơn*: Ông **Tạ Cẩm X**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: **Ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.**

Địa chỉ tạm trú: **Số A đường số D, Tổ E, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn xin ly hôn ngày 24/12/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà **Lê Thị Thanh L** trình bày sự việc như sau:

Bà (**Lê Thị Thanh L**) kết hôn với ông **Tạ Cẩm X** năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **L**, huyện **C**, tỉnh **Trà Vinh**, Giấy chứng nhận kết hôn số 98/2022 do Ủy ban nhân dân xã **L**, huyện **C**, tỉnh **Trà Vinh** cấp ngày 12/12/2022.

Sau khi kết hôn hai ngày thì vợ chồng bà mâu thuẫn về vấn đề mất tiền và vàng ngay trong căn nhà bà đang sinh sống, nhà chỉ có bà, chồng bà và ba ruột của bà. Ba của bà ở quê vào dự đám cưới. Sau ngày mất tiền, vàng, bà có hỏi thì chồng bà nói không lấy, thế là vợ chồng mâu thuẫn ngày càng lớn, cãi nhau, đánh nhau thường xuyên. Cuộc sống vợ chồng vô cùng căng thẳng và mệt mỏi. Mặc dù bà đã cố gắng nhưng tình tạng hôn nhân vẫn không được cải thiện. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn dứt khoát với ông **X**.

Về con chung: Bà và ông **X** không có con chung.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Bà xác định bà và ông **X** không có nợ chung.

- Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông **Tạ Cẩm X** vắng mặt nên không có lời khai của ông **X**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện **Củ Chi** tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân huyện **Củ Chi** đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện: “Tranh chấp về ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn trong vụ kiện ông **Tạ Cẩm X** hiện có địa chỉ tại **huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh** nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 124/TB-TA ngày 15/02/2023; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 kèm giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa số: 252/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 kèm giấy triệu tập nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông **Tạ Cẩm X** vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **X**.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà **Lê Thị Thanh L** về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn ông **Tạ Cẩm X**, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà **Lê Thị Thanh L** kết hôn với ông **Tạ Cẩm X** năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **L, huyện C, tỉnh Trà Vinh**, Giấy chứng nhận kết hôn số 98/2022 do Ủy ban nhân dân xã **L, huyện C, tỉnh Trà Vinh** cấp ngày 12/12/2022, nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Tại đơn xin ly hôn cũng như tại phiên tòa, bà **Thanh L** khai rằng sau khi kết hôn hai ngày thì vợ chồng bà mâu thuẫn về vấn đề mất tiền và vàng ngay trong căn nhà bà đang sinh sống, nhà chỉ có bà, chồng bà và ba ruột của bà. Ba của bà ở quê vào dự đám cưới. Sau ngày mất tiền, vàng, bà có hỏi thì chồng bà nói không lấy, thế là vợ chồng mâu thuẫn ngày càng lớn, cãi nhau, đánh nhau thường xuyên. Cuộc sống vợ chồng vô cùng căng thẳng và mệt mỏi. Mặc dù bà đã cố gắng nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không được cải thiện. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn dứt khoát với ông **X**.

Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa bà **Thanh L** và ông **X** không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội

đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu bà **Thanh L** là có cơ sở.

- Về con chung:

Bà **Thanh L** khai bà và ông **X** không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung:

Bà **Thanh L** khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà **Thanh L** khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ sự phân tích trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là phù hợp.

[3] Về án phí:

Bà **Thanh L** phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà **Lê Thị Thanh L**.

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà **Lê Thị Thanh L** được quyền ly hôn với ông **Tạ Cẩm X**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 98/2022 ngày 12/12/2022 do Ủy ban nhân dân xã **L**, huyện **C**, tỉnh Trà Vinh cấp cho bà **Lê Thị Thanh L** và ông **Tạ Cẩm X** không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung:

Bà **Lê Thị Thanh L** khai không có con chung nên không xét.

- Về tài sản chung:

Bà **Lê Thị Thanh L** khai không có tài sản chung nên không xét.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà **Lê Thị Thanh L** khai không có nợ chung nên không xét.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc bà **Thanh L** phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0020691 ngày 15/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, bà **Thanh L** đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa (ông **Tạ Cẩm X**) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương